

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 và 85 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 304/2023/TLST-VHNGĐ ngày 04/5/2023 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Hoàng Xuân C**, sinh năm: 1977

Địa chỉ: **thôn B, xã L, huyện T, tỉnh Hà Nam.**

- Bà **Vũ Thị L**, sinh năm: 1986

Địa chỉ: **1 P, Phường A, quận P, TP ..**

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2009 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 09/11/2009 thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông **Hoàng Xuân C** cùng bà **Vũ Thị L** là hợp pháp. Ông **C** và bà **L** cùng yêu cầu ly hôn.

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ việc là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (23/5/2023), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: ông **Hoàng Xuân C** và bà **Vũ Thị L** thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2009 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 09/11/2009 hết hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: có 03 con chung là **Hoàng Vũ Xuân T**, sinh ngày 30/3/2008 (nam), **Hoàng Vũ Thủy T1**, sinh ngày 22/01/2010 (nữ) và **Hoàng Vũ Xuân T2**, sinh ngày 03/5/2014 (nam). Các bên thỏa thuận, ông **C** sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ **Hoàng Vũ Xuân T**, bà **L** sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ **Hoàng Vũ Thủy T1**, trẻ **Hoàng Vũ Xuân T2**. Không bên nào phải cấp dưỡng cho bên nào.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung mà không ai được phép cản trở họ thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: đương sự khai không có.

- Các vấn đề khác: đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Về lệ phí: ông **Hoàng Xuân C** cùng bà **Vũ Thị L** phải nộp lệ phí sơ thẩm đối với yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền phí, lệ phí số AA/2021/0030301 ngày 25/4/2023 Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông **Hoàng Xuân C** cùng bà **Vũ Thị L** đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

*Nơi nhận:*

- Đương sự;

- VKSND Q.Phú Nhuận;
- CCTHA DS Q.Phú Nhuận;
- UBND xã Phúc Đường, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: Hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Hồ Thị Minh Thúy**